

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/DS-ST

Ngày: 31-8-2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng hùn vốn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC - TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thu Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Dương Thị Sáu.
- Ông Nguyễn Ngọc Ân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29 và ngày 31 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 331/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2020 về “*Tranh chấp hợp đồng hùn vốn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2023/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2023, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 13/2023/QĐST-DS ngày 07 tháng 7 năm 2023, Thông báo về việc mở lại phiên tòa sơ thẩm ngày 04 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Tấn P, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số D, đường số B, khu phố E, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Võ Ngọc D, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số B, ấp Đ, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phan Thị Lệ H, sinh năm 1983.

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ tạm trú: Số A, Tỉnh lộ 10, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Bà Lê Thị Út C, sinh năm 1984.

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số B, ấp B, xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre.

Địa chỉ cư trú hiện nay: Số A, Tỉnh lộ 10, phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Số B, ấp D, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Ông Trần Văn L, sinh năm 1955.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Long An.

(Ông P, ông D, bà D1 có mặt; bà H, bà C, ông L có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 21/11/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Tấn P trình bày:

Ông và ông Võ Ngọc D là chỗ bạn bè. Ngày 12/12/2011 ông và ông Võ Ngọc D có hùn tiền mua chung một phần đất của ông Trần Văn L ngang 20m, dài 40m, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Long An với giá 103.000.000 đồng, phần tiền của ông đưa cho ông D để hùn vốn là 51.500.000 đồng (trong đó khoảng tháng 9/2011 ông đã đưa cho ông D 20.000.000 đồng, đến ngày 12/12/2011 sau khi phần đất mua chung đã được sang tên trên giấy chứng nhận cho ông D thì ông mới đưa hết số tiền còn lại cho ông D là 31.500.000 đồng), giữa ông và ông D thỏa thuận sau này ai muốn sang nhượng thì phải có sự đồng ý của cả hai người. Khi thỏa thuận hùn tiền thì hai bên có lập giấy tay “Hợp đồng mua chung” ngày 12/12/2011.

Khoảng tháng 02/2017 do cần tiền để điều trị bệnh cho cha của ông nên ông có mượn của ông D số tiền 50.000.000 đồng, đến tháng 4/2017 ông tiếp tục mượn của ông D số tiền 10.000.000 đồng. Đến tháng 6/2017 cha ông chết thì ông có gặp ông D trả lại số tiền 60.000.000 đồng nhưng ông D không lấy tiền vì ông D cho rằng ông D cần qua tiền hùn mua đất và thửa đất hùn mua đã chuyển nhượng cho người khác.

Ông xác định thửa đất có diện tích 601,5m², thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 69, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy CS 05472 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông Võ Ngọc D ngày 26/10/2016 là đất mua chung của ông và ông D. Sau đó, ông D đã tự ý chuyển nhượng cho bà H thửa đất số 50 nêu trên với giá chuyển nhượng là 530.000.000 đồng. Trước đây ông khởi kiện yêu cầu ông D bồi thường cho ông số tiền 1.200.000.000 đồng do ông D tự ý chuyển nhượng phần đất mà ông và ông D hùn mua chung tại ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Long An. Nay ông thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu ông D bồi thường cho ông ½ giá trị chuyển nhượng thực tế mà ông D đã chuyển nhượng là 265.000.000 đồng, ông đồng ý cân trừ lại số tiền 60.000.000 đồng mà ông đã mượn của ông D nên ông yêu cầu ông D phải bồi thường cho ông số tiền là 205.000.000 đồng.

Theo biên bản hòa giải ngày 19/5/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Võ Ngọc D trình bày:

Ông và ông Nguyễn Tấn P là chỗ bạn bè. Ngày 12/12/2011 ông và ông Nguyễn Tấn P có hùn tiền mua chung một phần đất của ông Trần Văn L ngang 20m, dài 40m,

tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Long An với giá là 103.000.000 đồng, phần tiền của ông P đưa cho ông để hùn vốn là 51.500.000 đồng trong đó: lần 1 ông P đưa cho ông 20.000.000 đồng, lần 2 ông P đưa cho ông 30.000.000 đồng, do ông L không tách thửa được nên ông L yêu cầu hỗ trợ thêm số tiền 3.000.000 đồng để làm thủ tục giấy tờ, sau đó ông P đưa thêm cho ông số tiền 1.500.000 đồng, giữa ông và ông P thỏa thuận sau này ai muốn sang nhượng thì phải có sự đồng ý của cả hai người. Khi thỏa thuận hùn tiền thì hai bên có lập giấy tay “Hợp đồng mua chung” ngày 12/12/2011.

Đến năm 2013 ông P cho rằng điều kiện xa xôi nên ông P yêu cầu ông trả tiền lại, do không mua đất được nên ông đã trả lại cho ông P số tiền hùn mua đất trước đây là 50.000.000 đồng, khoảng 02 tháng sau thì ông P yêu cầu ông trả thêm cho ông P số tiền 10.000.000 đồng là tiền lãi. Tổng cộng ông đã trả lại cho ông P số tiền là 60.000.000 đồng.

Ông xác định thửa đất có diện tích 601,5m², thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 69, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp giấy CS05472 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông ngày 26/10/2016 là ông mua của ông L, chứ không phải là phần đất mà ông và ông P hùn mua. Tháng 9/2011 ông nhận chuyển nhượng của ông L thửa đất số 50 với giá chuyển nhượng là 100.000.000 đồng. Đến năm 2018 ông chuyển nhượng cho bà Phan Thị Lệ H thửa đất số 50 nêu trên, giá chuyển nhượng là 530.000.000 đồng. Bà H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 50 nêu trên.

Nay trước yêu cầu khởi kiện của ông P thì ông không đồng ý vì thửa đất số 50 là vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn L, chứ không phải ông hùn mua với ông P, ông đã trả lại cho ông P số tiền hùn mua đất là 60.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D1 trình bày:

Bà là vợ của ông Võ Ngọc D.

Bà thống nhất với lời trình bày và ý kiến của ông D. Bà không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Lệ H trình bày:

Năm 2018 bà và bà Lê Thị Út C hùn tiền để thỏa thuận nhận chuyển nhượng của ông Võ Ngọc D phần đất diện tích 601,5m² thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 69, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An, giá chuyển nhượng là 530.000.000 đồng. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và ông D đã thực hiện xong, bà đã được Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai tại huyện B chỉnh lý sang tên ngày 09/02/2018 trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 317915 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L cấp cho ông Võ Ngọc D ngày 26/10/2016 đối với thửa đất số 50 nêu trên. Đến năm 2022, bà thỏa thuận chuyển nhượng cho bà Lê Thị Út C thửa đất số 50 nêu trên với giá chuyển nhượng là 1.600.000.000 đồng. Do trước đây bà và bà Út C đã hùn tiền để nhận chuyển nhượng thửa 50 của ông D, nên nay bà thỏa thuận chuyển nhượng lại cho bà Út C 1/2 phần hùn giữa bà và bà Út C đối với thửa đất 50 tương đương giá trị 1/2 thửa đất 50 là 800.000.000 đồng. Hợp

đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và bà Út C đã thực hiện xong, bà Út C đã được đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 50.

Nay ông Nguyễn Tấn P tranh chấp hợp đồng hùn vốn với ông Võ Ngọc D đối với thửa đất 50 thì bà không có ý kiến gì, bà không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này. Do bà bận công việc nên bà xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Út C trình bày:

Năm 2018 bà và bà Phan Thị Lệ H hùn tiền để thỏa thuận nhận chuyển nhượng của ông Võ Ngọc D phần đất diện tích 601,5m² thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 69, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An, giá chuyển nhượng là 530.000.000 đồng, nhưng việc thỏa thuận chuyển nhượng là do bà H và ông D trực tiếp giao dịch với nhau. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà H và ông D đã thực hiện xong, bà H đã được chỉnh lý sang tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 50 nêu trên. Đến năm 2022, bà thỏa thuận nhận chuyển nhượng của bà Phan Thị Lệ H thửa đất số 50 nêu trên với giá chuyển nhượng là 1.600.000.000 đồng. Do trước đây bà và bà H đã hùn tiền để nhận chuyển nhượng thửa 50 của ông D, nên nay bà thỏa thuận nhận chuyển nhượng lại của bà H 1/2 giá trị phần hùn giữa bà và bà Út C đối với thửa đất 50 tương đương giá trị 1/2 thửa đất 50 là 800.000.000 đồng. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà và bà H đã thực hiện xong, bà đã đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 50.

Nay ông Nguyễn Tấn P tranh chấp hợp đồng hùn vốn với ông Võ Ngọc D đối với thửa đất 50 thì bà không có ý kiến gì, bà không có tranh chấp hay yêu cầu gì trong vụ án này. Do bà bận công việc nên bà xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 21/4/2023 và ngày 03/8/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L trình bày:

Năm 2011 ông có chuyển nhượng cho ông Võ Ngọc D thửa đất số 50, tờ bản đồ số 69, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An, giá chuyển nhượng là 100.000.000 đồng. Sau khi làm thủ tục sang tên cho ông D thì ông Dự t mua thêm một thửa đất nữa của ông nhưng lâu quá ông D không mua, nên ông đã chuyển nhượng thửa đất đó cho người khác. Ông chỉ chuyển nhượng đất cho ông D chứ ông không biết ông P. Trong vụ án này, ông không có ý kiến hay yêu cầu gì. Do ông lớn tuổi, điều kiện đi lại khó khăn nên ông xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án các cấp giải quyết vụ án.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Tấn P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Võ Ngọc D phải bồi thường cho ông số tiền 205.000.000 đồng. Bị đơn ông Võ Ngọc D, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị D1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông P. Bà H, bà C, ông L có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự thấy rằng: Ông P cho rằng ông và ông D hùn mua chung thửa đất có diện tích 601,5m², thuộc thửa đất số 50, tờ bản đồ số 69, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An. Tuy nhiên, ông D không thừa nhận có hùn mua chung với ông P thửa đất số 50 như ông P trình bày. Ông D xác định thửa đất hùn mua chung với ông D là thửa đất khác của ông L nhưng do việc tách thửa gặp khó khăn nên không mua được. Tại phiên tòa, ông P xác định “Hợp đồng mua chung” lập ngày 12/12/2011 phần chữ viết “thửa đất số 50, tờ bản đồ 69, xã T, huyện L, Long An” là do ông tự viết thêm vào khi ông D đưa cho ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông D, còn trước đây ông không biết thửa đất ông và ông D mua chung là thửa đất nào. Mặt khác, thửa đất số 50 mà ông D nhận chuyển nhượng từ ông L thì hợp đồng mua bán đất được lập ngày 06/9/2011, Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập ngày 18/10/2011, ông D được cập nhật biến động ngày 07/11/2011 là trước thời điểm ông P và ông D lập “Hợp đồng mua chung”. Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2023, ông Trần Văn L cũng trình bày: Sau khi mua thửa đất số 50 khi đang chờ làm thủ tục sang tên cho ông D thì ông D có dự định mua thêm thửa đất khác nhưng lâu quá không mua nên ông đã bán cho người khác. Ông D xác định đã trả lại cho ông P số tiền 50.000.000 đồng tiền hùn vốn và đưa thêm cho ông P 10.000.000 đồng như ông P yêu cầu. Ông P cũng thừa nhận đã nhận của ông D 60.000.000 đồng nhưng không phải là tiền hùn vốn mua đất mà là tiền mượn của ông D nhưng ông P không có chứng cứ chứng minh. Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn P là không có cơ sở chấp nhận. Do đó, căn cứ các Điều 385, 422 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Tấn P khởi kiện yêu cầu ông Võ Ngọc D phải bồi thường cho ông ½ giá trị chuyển nhượng thực tế mà ông D đã chuyển nhượng số tiền là 205.000.000 đồng theo giấy tay “Hợp đồng mua chung” ngày 12/12/20211 đối với thửa đất số 50, tờ bản đồ số 69, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan

hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “Tranh chấp hợp đồng hùn vốn”, Tòa án nhân dân huyện Bến Lức thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Lệ H, bà Lê Thị Út C và ông Trần Văn L có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thống nhất trình bày: Ông Nguyễn Tấn P và ông Võ Ngọc D có hùn tiền mua chung một phần đất của ông Trần Văn L ngang 20m, dài 40m, tọa lạc tại ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Long An với giá 103.000.000 đồng, phần tiền của ông P đưa cho ông D để hùn vốn là 51.500.000 đồng. Căn cứ vào Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[2.2] Nguyên đơn ông Nguyễn Tấn P cho rằng ông và ông D hùn mua chung thửa đất số 50, diện tích 601,5m², tờ bản đồ số 69, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An. Bị đơn ông Võ Ngọc D xác định thửa đất số 50 là do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn L, chứ không phải là thửa đất mà ông hùn mua với ông P, thửa đất ông hùn mua với ông P là thửa đất khác của ông L nhưng do việc tách thửa gặp khó khăn nên không mua được. Xét thấy, căn cứ giấy tay “Hợp đồng mua chung” ngày 12/12/2011 thể hiện nội dung “*Tôi: Nguyễn Tấn P và anh Võ Ngọc D có hùn vốn mua một miếng đất tọa lạc Thạnh Lợi, Đ, Long An, ngang 20, dài 40 (40 x 20) với giá 103.000.000 mỗi người một nửa...*”, nội dung thỏa thuận hùn mua đất giữa ông P và ông D không thể hiện cụ thể thửa đất nào, tại phiên tòa ông P cũng thừa nhận tại thời điểm lập giấy tay “Hợp đồng mua chung” ngày 12/12/2011 thì ông không biết thửa đất mà ông và ông D hùn mua là thửa đất nào, sau này khi ông D đưa ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông D đứng tên thì ông mới biết là thửa đất số 50 nên ông đã viết vào giấy tay “Hợp đồng mua chung” ngày 12/12/2011 là “*Thửa đất số 50, tờ bản đồ số 69, xã T - huyện L - Long An*”. Ngoài ra, ông D nhận chuyển nhượng thửa đất số 1247, tờ bản đồ số 01, diện tích 599m², tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 18/10/2011, ông D được cập nhật chỉnh lý sang tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 07/11/2011 là trước thời điểm ông P và ông D lập giấy tay “Hợp đồng mua chung” ngày 12/12/2011. Mặt khác, theo biên bản lấy lời khai ngày 03/8/2023 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn L xác định sau khi làm thủ tục sang tên cho ông D thì ông Dự t mua thêm một thửa đất nữa của ông nhưng lâu quá ông D không mua, nên ông đã chuyển nhượng thửa đất đó cho người khác, lời trình bày của ông L phù hợp với lời trình bày của ông D về việc ông D sau khi sang tên thửa đất của ông L thì ông D dự định mua thêm thửa đất nữa của ông L nhưng không mua được. Do đó, không có căn cứ xác định thửa đất mà ông P và ông D hùn mua là thửa đất số 50, tờ bản đồ số 69, tọa lạc tại xã T, huyện B, tỉnh Long An do ông D đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.3] Về số tiền hùn vốn: Ông D cho rằng năm 2013 ông P cho rằng điều kiện xa xôi nên ông P yêu cầu ông trả tiền lại, do không mua đất được nên ông đã trả lại cho ông P số tiền hùn mua đất trước đây là 50.000.000 đồng, khoảng 02 tháng sau thì ông

P yêu cầu ông trả thêm cho ông P số tiền 10.000.000 đồng là tiền lãi, tổng cộng ông đã trả lại cho ông P số tiền là 60.000.000 đồng. Ông P thừa nhận ông có nhận số tiền 60.000.000 đồng của ông D nhưng đây là tiền ông mượn của ông D chứ không phải là tiền hùn vốn mà ông D trả cho ông, việc mượn tiền không có làm giấy tờ. Xét thấy, số tiền 60.000.000 đồng mà ông P nhận của ông D trong đó lần 1 ông P nhận của ông D là 50.000.000 đồng, lần 2 ông P nhận của ông D là 10.000.000 đồng, theo ông D số tiền 50.000.000 đồng là tiền hùn mua đất mà ông trả lại cho ông P và số tiền 10.000.000 đồng là tiền lãi mà ông P yêu cầu ông phải trả, lời trình bày của ông D là phù hợp với số tiền hùn vốn là 50.000.000 đồng. Ông P cho rằng số tiền 60.000.000 đồng là tiền mượn nhưng có không có chứng cứ chứng minh. Do đó, lời trình bày của ông D về việc ông D đã trả cho ông P số tiền hùn vốn 60.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.4] Từ những phân tích tại mục [2.2], [2.3] ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận, yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Tấn P là không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về chi phí định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Tấn P phải chịu 17.900.000 đồng (đã nộp xong).

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Tấn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cụ thể: là 205.000.000 đồng x 5% = 10.250.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các 385, 422 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Tấn P đối với ông Võ Ngọc D về việc tranh chấp hợp đồng hùn vốn.

2. Về chi phí định giá, xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc ông Nguyễn Tấn P phải chịu 17.900.000 đồng (đã nộp xong).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Tấn P phải chịu 10.250.000 đồng. Khấu trừ số tiền 24.000.000 đồng tạm ứng án phí ông P đã nộp theo biên lai thu số 0003423 ngày 28/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. H1 lại cho ông Nguyễn Tấn P 13.750.000 đồng tạm ứng án phí còn thừa.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- THADS huyện Bến Lức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Thu Thảo